

Số: 3007/2025/BC – APH
No.: 3007/2025/BC - APH

Hải Dương, ngày 30 tháng 07 năm 2025
Hai Duong, 30th July, 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Kỳ báo cáo/ Period: 6 tháng 2025/ First half of 2025)**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên công ty/Name of company:
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
AN PHAT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY**
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: Lô CN 11+ CN 12, Cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách, Huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương/ *Lot CN 11+ CN 12, An Dong Industrial Cluster, Nam Sach Town, Nam Sach District, Hai Duong Province*
- Điện thoại/Tel: (024) 3206 1199
- Email: info@anphatholdings.vn
- Vốn điều lệ/Charter Capital: 2.438.842.680.000 đồng
- Mã chứng khoán/Stock symbol: APH
- Mô hình quản trị Công ty/Corporate governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ *The implementation of internal audit: Implemented*

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/ACTIVITIES OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolution of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

STT No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	230402/2025/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 AGM Resolution 2025



II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Báo cáo năm)/Board of Directors (annual report):

1. Thông tin về thành viên của Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT/Board of Directors' members	Chức vụ/Position	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên HĐQT <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông/Mr. Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành) <i>Chairman (Non - executive members of BOD)</i>	09/10/2024	
2	Ông/Mr. Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành) <i>Vice Chairman of the Board of Directors (Non - executive members of BOD)</i>	12/06/2017	
3	Ông/Mr. Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng giám đốc <i>Executive member of BOD cum CEO</i>	31/08/2018	
4	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Tien	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc thường trực (Thành viên HĐQT điều hành) <i>Permanent Deputy Chairman of the Board of Directors, Permanent Deputy General Director (Executive members of BOD)</i>	04/09/2019	
5	Ông/Mr. Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT độc lập/ <i>Independent member of BOD</i>	23/04/2025	
6	Ông/Mr. Lim HeonYoung	Thành viên HĐQT độc lập/ <i>Independent member of BOD</i>	25/06/2021	23/04/2025

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị/Meetings of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT/Board of Directors member	Số buổi họp HĐQT tham dự/Number of meetings attended by the BOD	Tỷ lệ tham dự họp/Attendance rate	Lý do không tham dự/Reasons for absence
1	Ông/Mr. Nguyễn Lê Thăng Long	7/7		

2	Ông/Mr. Nguyễn Lê Trung	7/7	100%	
3	Ông/Mr. Phạm Đỗ Huy Cường	7/7	100%	
4	Bà/Ms. Nguyễn Thị Tiễn	7/7	100%	
5	Ông/Mr. Đinh Hoài Nam	1/1	100%	
6	Ông/Mr. Lim HeonYoung	6/6	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

6 tháng đầu năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực vượt bậc của Ban Điều hành trong việc điều hành, thích ứng nhanh với điều kiện kinh tế vĩ mô, triển khai các biện pháp ứng phó trong hoạt động kinh doanh dưới bối cảnh nền kinh tế toàn cầu phải đối mặt với biến động địa chính trị và đang trong quá trình phục hồi hậu Covid-19/ *In the first half of 2025, the BOD highly appreciated the Executive Board's exceptional efforts in managing and swiftly adapting to macroeconomic conditions, implementing business measures amidst global geopolitical volatility and post-Covid-19 economic recovery.*

Hoạt động giám sát:/ *Supervision Activities:*

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, các quy định, quy chế quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành, HĐQT đã có những hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành như sau:/ *In compliance with the company's Charter, Corporate Governance Regulations, internal regulations, and applicable laws, the BOD conducted the following supervisory activities over the Executive Board:*

- Tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư, kinh doanh của các công ty thành viên/công ty con;/ *Supervised the implementation of investment and business activities of member companies and subsidiaries;*
- Tổ chức chỉ đạo, giám sát thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính các quý/ *Directed and monitored the strict implementation of financial reporting for the quarterly.*
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 23 tháng 04 năm 2025;/ *Successfully organized the 2025 Annual General Meeting of Shareholders on April 23, 2025.*
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Giám đốc trong các hoạt động kinh doanh;/ *Monitored the execution of resolutions and decisions issued by the General Meeting of Shareholders and the BOD and evaluated the BOM performance in business activities.*
- Giám sát, chỉ đạo việc hiện hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo quy định;/ *Supervised and directed timely and transparent disclosure of information as required;*
- Giám sát hoạt động quản lý của Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra./ *Oversaw the Executive Board's*

management to enhance the efficiency of business operations and achieve the set performance targets.

Kết quả giám sát:/ Supervision Results:

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Ban Điều hành đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan/ *During operations, the Company strictly complied with applicable laws and its internal regulations. The Executive Board effectively managed production and business activities, demonstrating high level of responsibility towards stakeholders.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT/Activities of the Board of Directors' subcommittees:

Hiện nay, Công ty chưa thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

Currently, the Company has not established sub-committees under the Board of Directors.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/Resolutions/Decisions of the Board of Directors:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua/Approval rate
1	240101/2025/NQ - HĐQT	24/01/2025	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 <i>Approval of the business performance results for 2024 and the business operation plan for 2025</i>	100%
2	050201/2025/NQ - HĐQT	05/02/2025	Thông qua giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2025 <i>Approval of transactions between the Company and related parties occurring in 2025</i>	100%
3	060201/2025/NQ - HĐQT	06/02/2025	Thông qua việc triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 <i>Approval of the convening of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
4	070301/2025/NQ - HĐQT	07/03/2025	Tiếp nhận đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Lim Heon Young	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
			và thông qua thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 <i>Acknowledgement of the resignation letter submitted by Mr. Lim Heon Young from the Board of Directors and approval of the time and venue for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	
5	130301/2025/NQ - HĐQT	13/03/2025	Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings theo Hợp đồng hợp tác đầu tư đóng mới, vận hành khai thác Tàu du lịch Hoàng Phương QN8090 <i>Approval of the transfer of the entire capital contribution owned by An Phat Holdings Joint Stock Company under the Investment Cooperation Agreement for the new construction, operation, and exploitation of the Hoang Phuong QN8090 tourist vessel</i>	100%
6	020401/2025/NQ - HĐQT	02/04/2025	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 <i>Approval of the meeting materials for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
7	270601/2025/NQ - HĐQT	27/06/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 <i>Approval of the selection of an auditing company to audit the 2025 financial statements</i>	100%

III. BAN KIỂM SOÁT (Báo cáo năm)/ *BOARD OF SUPERVISORS (annual report)*

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát/ *Information about the members of the Board of Supervisors*

STT No.	Thành viên BKS <i>Board of Supervisors' members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisor</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Bà/Ms. Phạm Thị Nguyệt	Trưởng BKS/ <i>Head of the Board of Supervisors</i>	Bắt đầu từ/ <i>Becoming date</i> 29/05/2024	Thạc sỹ tài chính, ngân hàng/ <i>Master of Finance and Economics</i>
2	Bà/Ms. Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên BKS/ <i>Member of the Board of Supervisors</i>	Bắt đầu từ/ <i>Becoming date</i> 28/11/2019	Cử nhân kế toán/ <i>Bachelor of Accounting</i>
3	Bà/Ms. Phạm Thị Hoa	Thành viên BKS/ <i>Member of the Board of Supervisors</i>	Bắt đầu từ/ <i>Becoming date</i> 28/11/2019	Thạc sỹ kinh tế - chuyên ngành kế toán/ <i>Master of Economics</i>

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát/*Meetings of Board of Supervisors*

STT No.	Thành viên BKS <i>Board of Supervisors' members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Số buổi tham dự họp/ <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>	Lý do không tham dự/ <i>Reasons for absence</i>
1	Bà/Ms. Phạm Thị Nguyệt	Trưởng BKS/ <i>Head of Board of Supervisors</i>	2	100%	100%	
2	Bà/Ms. Phạm Thị Hoa	Thành viên BKS/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	2	100%	100%	
3	Bà/Ms. Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên BKS/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervisory Activities of the Board of Supervisors Over the Board of Directors, the Executive Board, and Shareholders

Ban kiểm soát thực hiện giám sát thông qua/*The Board of Supervisors conducts oversight through the following methods:*

- Trực tiếp theo dõi hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra nghị quyết của HĐQT/*Directly monitoring the BOD activities through meetings, discussions, approval on the board resolutions.*
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc/*Supervising the Executive Board's operations ensuring compliance with the BOD's and the delegation mechanism between the board and the CEO.*
- Tiếp xúc trực tiếp với các Giám đốc điều hành để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty/*Contacting directly with the executive directors to stay informed about the company's business operations.*
- Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Giám đốc Ban Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát nội bộ, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, Trưởng Ban pháp chế./*Supervising through discussing with the CFO, Chief Accountant and Head of Internal Audit Department, Head of Internal Control Department, Head of legal department.*
- Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Kiểm toán độc lập/*Supervising through reports from and through discussing with the external auditor.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

- Ban kiểm soát luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý liên quan trong khuôn khổ thực hiện chức năng giám sát của mình/*The Board of Supervisors maintains effective coordination with the board members, executive directors and other management personnel within the scope of its supervisory functions.*
- Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Ban kiểm soát/*The management consistently facilitates and promptly provides the necessary information to support the Board of Supervisors's supervisory activities.*

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát (nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors (if any): Không có/nil

IV. BAN ĐIỀU HÀNH/BOARD OF MANAGEMENT

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày sinh Date of birth	Chức vụ Position	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/Date of appointment/Date of dismissal
1	Ông/Mr. Phạm Đỗ Huy Cường	13/12/1983	Tổng giám đốc/CEO	Thạc sỹ quản trị kinh doanh/MBA	Bổ nhiệm ngày 27/01/2023

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày sinh <i>Date of birth</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/ <i>Date of appointment/Date of dismissal</i>
					<i>Appointed on January 27, 2023</i>
2	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Tiệp	25/10/1985	Phó Tổng Giám đốc thường trực <i>Permanent Deputy General Director</i>	Thạc sỹ quản lý kinh tế, Cử nhân Luật/ <i>Master degree in Economic Management, Lawyer</i>	Bổ nhiệm ngày 27/01/2023 <i>Appointed on January 27, 2023</i>
3	Ông/Mr. Phạm Văn Tuấn	05/06/1979	Phó Tổng giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh/MBA	Bổ nhiệm ngày 29/01/2021 <i>Appointed on January 29, 2023</i>
4	Bà/Mrs. Hòa Thị Thu Hà	04/11/1978	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính <i>Deputy General Director in charge of Finance & Accounting</i>	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>	Bổ nhiệm ngày 27/01/2023 <i>Appointed on January 27, 2023</i>
5	Bà/Mrs. Trần Thị Thoàn	27/07/1985	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất/ <i>Deputy General Director in charge of production</i>	Thạc sỹ quản lý kinh tế/ <i>Master's degree in Economic Management</i>	Bổ nhiệm ngày 01/06/2023 <i>Appointed on June 01, 2023</i>

V. KẾ TOÁN TRƯỞNG/CHIEF ACCOUNTANT

STT No.	Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>
1	Bà/Mrs. Hồ Thị Hòe	05/11/1984	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>	28/02/2019

VI. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY/*Training course on corporate governance:*

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác, người được ủy quyền CBTT và Người phụ trách quản trị công ty đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty. Ngoài ra, HĐQT còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tổ chức nhằm nâng các tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành/*Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, General Director, other managers, persons authorized to disclose information and persons in charge of corporate governance have participated in courses and training sessions in accordance with regulations on corporate governance. In addition, the Board of Directors also arranges and sends representatives to attend training courses organized by the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City Stock Exchange to improve the Company's compliance with regulations issued by the State.*

(Hết nội dung tại trang này/ End of content on this page)

VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty đại chúng (Báo cáo bán niên) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-Annual Report) and transactions of affiliated persons of the Company

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty/The list of affiliated persons of the Company

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place	Địa chỉ liên hệ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
1.	Ông/Mr. Nguyễn Lê Thăng Long		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board					09/10/2024			Người nội bộ/ Internal Person
2.	Ông/Mr. Nguyễn Lê Trung		Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of the Board					12/06/2017			Người nội bộ/ Internal Person

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
3.	Ông/Mr. Phạm Đỗ Huy Cường		Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc/ <i>Executive member of BOD cum CEO</i>					31/08/2018			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
4.	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Tiệp		Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó TGD thường trực/ <i>Permanent Deputy Chairman of the Board of Directors, Permanent Deputy General Director</i>					04/09/2019			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
5.	Ông/Mr. Đinh Hoài Nam		Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent Director</i>					23/04/2025			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
6.	Ông/Mr. LIM HEONYOUNG		Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent Director</i>					25/06/2021	23/04/2025		Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
7.	Bà/Ms. Phạm Thị Nguyệt		Trưởng Ban kiểm soát kiêm Người phụ trách quản trị Công ty và Người ủy quyền CBTT/ <i>Head of Board of Supervisors; person in charge of corporate governance and person authorized to disclose information</i>					7/2019			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
8.	Bà/Ms. Phạm Thị Hoa		Thành viên Ban kiểm soát/ <i>Member of Board of Supervisors</i>					28/11/2019			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
9.	Bà/Ms. Nguyễn Thị Thúy Nga		Thành viên Ban kiểm soát/ <i>Member of Board of Supervisors</i>					28/11/2019			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
10.	Ông/Mr. Phạm Văn Tuấn		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>					29/01/2021			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
11.	Bà/Ms. Hòa Thị Thu Hà		Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán/ <i>Deputy General Director in charge of Finance & Accounting</i>					27/01/2023			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/indi vidual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securiti es trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
12.	Bà/Ms. Trần Thị Thoàn		Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất/ <i>Deputy General Director in charge of production</i>					01/06/2023			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
13.	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội/Hanoi <i>Plastics Joint Stock Company</i>							12/2019			Công ty con/ <i>subsidiary</i>
14.	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh/An Phat <i>Bioplastics Joint Stock Company</i>							06/2017			Công ty con/ <i>subsidiary</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
15.	Công ty Cổ phần An Tiên <i>Industries/An Tien Industries Joint Stock Company</i>							01/10/2009			Công ty con đến ngày 27/03/2025/ <i>Subsidiary until March 27, 2025</i> Công ty liên kết từ ngày 28/03/2025/ <i>Associate since March 28, 2025</i>
16.	Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát/ <i>An Phat High-Tech Industrial Joint Stock Company</i>							27/10/2017			Công ty con/ <i>subsidiary</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
17.	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1/ <i>An Phat High-Tech Industrial Park No.1 Joint Stock Company</i>							09/2019			Công ty con/ <i>subsidiary</i>
18.	An Thanh Bicsol Singapore Pte. Ltd.							18/07/2017			Công ty con đến ngày 27/03/2025/ <i>Subsidiary until March 27, 2025</i> Công ty liên kết từ ngày 28/03/2025/ <i>Associate since March 28, 2025</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
19.	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol/An Thanh Bicsol Joint Stock Company							22/03/2017			Công ty con đến ngày 27/03/2025/ Subsidiary until March 27, 2025 Công ty liên kết từ ngày 28/03/2025/ Associate since March 28, 2025
20.	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín/An Tin Inter – Transport Joint Stock Company							16/03/2016			Công ty con đến ngày 27/03/2025/ Subsidiary until March 27, 2025 Công ty liên kết từ ngày 28/03/2025/ Associate since March 28, 2025

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
21.	Công ty TNHH An Trung Industries/ <i>An Trung Industries Company Limited</i>							12/2019			Công ty con/ <i>subsidiary</i>
22.	Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM/ <i>Export Import Development Investment Company Limited</i>							12/2019			Công ty con/ <i>subsidiary</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
23.	Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ <i>Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited</i>							12/2019	05/2025		Công ty con/ <i>subsidiary</i>
24.	Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì An Vinh/ <i>An Vinh Packaging Joint Stock Company</i>							07/2020			Công ty con/ <i>subsidiary</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place	Địa chỉ liên hệ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
25.	An Phat International, INC							2021			Công ty con/ subsidiary
26.	AFC EcoPlastics, LLC							2021			Công ty con/ subsidiary
27.	Ankor Bioplastics Co.Ltd							30/06/2023			Công ty con/ subsidiary

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
28.	Công ty Cổ phần Anbio/ <i>Anbio Joint Stock Company</i>							2020			Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt/ <i>Same Key Management</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
29.	Công ty Cổ phần sản xuất PBAT An Phát/PBAT An Phat Joint Stock Company							01/2021			Công ty con/ subsidiary

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place	Địa chỉ liên hệ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
30.	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường/An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company							2020			Công ty con/ subsidiary
31.	Công ty cổ phần Xăng dầu An Đông/An Dong Petroleum Service JSC							08/2020	27/03/2025		Công ty liên kết của Công ty con đến ngày 27/03/2025 Associate of a subsidiary until March 27,2025

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
32.	CTCP Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam/ <i>Sunrise Viet Nam Production JSC</i>							02/2019	27/03/2025		Công ty liên kết của Công ty con đến ngày 27/03/2025 <i>Associate of a subsidiary until March 27,2025</i>
33.	CTCP Nhựa Bao bi Vinh/ <i>Vinh Plastic And Bags JSC</i>							07/2007			Công ty liên kết của công ty con/ <i>Associate of subsidiary</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
34.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát/ <i>An Phat Catering services JSC</i>							05/12/2022	27/03/2025		Công ty liên kết của Công ty con đến ngày 27/03/2025 <i>Associate of a subsidiary until March 27,2025</i>
35.	Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt/ <i>Nam Viet Software Solutions and Services Joint Stock Company</i>							01/11/2022	28/04/2025		Công ty liên kết đến ngày 28/04/2025 <i>Associate until April 28, 2025</i>

TT No.	Tên Tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/indi vidual</i>	Tài khoản chứng khoán (nếu có) <i>Securiti es trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>Owner's ID No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
36.	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên/ <i>Luong Dien Ngoc Lien Industrial Park Joint Stock Company</i>							16/10/2024			Công ty con/ <i>subsidiary</i>

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp Owner's ID No., Date of issue, Place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT AGM's Board resolution	Nội dung giao dịch Description of transaction;	Giá trị giao dịch Total transaction value (đồng/VND)	Ghi chú/Notes
1.	Công ty Cổ phần An Tiền Industries/ <i>An Tien Industries Joint Stock Company</i>	Công ty con/ subsidiary			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	750,000,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
2.	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol/ <i>An Thanh Bicsol Joint Stock Company</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	450,000,000	
3.	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín/ <i>An Tín Inter – Transport Joint Stock Company</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	375,000,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp Owner's ID No., Date of issue, Place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT AGM's Board resolution	Nội dung giao dịch Description of transaction;	Giá trị giao dịch Total transaction value (đồng/VND)	Ghi chú/Notes
						Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
4.	Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì An Vinh/ <i>An Vinh Packaging Joint Stock Company</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	750,000,000	
5.	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1/ <i>An Phat High-Tech Industrial Park No.1 Joint Stock Company</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	1,290,000,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/ HĐQT <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
						<i>Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025</i>	Lãi tiền vay/ <i>interest</i>	10,554,657,534	
							Trả tiền vay/<i>Pay loan</i>	59,500,000,000	
6.	Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát/ <i>An Phat High- Tech Industrial Joint Stock Company</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/<i>Sales of goods and service</i>	1,290,000,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/ HĐQT <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
						Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025			
7.	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội/Hà Nội Plastics JSC	Công ty con/ subsidiary			6 tháng 2025/First 6 months of 2025	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/Sales of goods and service	1,871,000,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
8.	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường/ <i>An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	750,000,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
9.	Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ <i>Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	248,000,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp Owner's ID No., Date of issue, Place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT AGM's Board resolution	Nội dung giao dịch Description of transaction;	Giá trị giao dịch Total transaction value (đồng/VND)	Ghi chú/Notes
10.	Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM/VIEXIM – Export Import Development Investment Company Limited	Công ty con/ subsidiary			6 tháng 2025/First 6 months of 2025	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/Sales of goods and service	372,000,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
11.	Công ty TNHH An Trung Industries/ <i>An Trung Industries Company Limited</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	750,000,000	
12.	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh/ <i>An Phat Bioplastics JSC</i>	Công ty con/ <i>subsidiary</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of</i>	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ <i>Sales of goods and service</i>	2,086,700,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
						Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025	Mua hàng hóa dịch vụ/Buy goods and service	312,000,000	
						Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025	Nhận cổ tức/Receive cash dividend	57,536,218,200	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Owner's ID No., Date of issue, Place</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT <i>AGM's Board resolution</i>	Nội dung giao dịch <i>Description of transaction;</i>	Giá trị giao dịch <i>Total transaction value (đồng/VND)</i>	Ghi chú/Notes
13.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát/ <i>An Phat Catering services JSC</i>	Công ty liên kết/ <i>Associate</i>			6 tháng 2025/ <i>First 6 months of 2025</i>	Nghị quyết HĐQT số 050201/2025/NQ – HĐQT ngày 05/02/2025/ <i>Board of Directors Resolution No. 050201/2025/NQ – HĐQT dated February 05, 2025</i>	Mua hàng hóa dịch vụ/ <i>Buy goods and service</i>	9,528,000	

3. **Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:** Không có/nil
4. **Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects**
 - a. Giao dịch giữa công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the Company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, General Director have been founding members or members of Board of Directors, or CEO in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với NNB Relationship with internal person	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp Owner's ID No., Date of issue, Place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Nội dung giao dịch Description of transaction;	Giá trị giao dịch Total transaction value (đồng/VND)
1	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol/An Thanh Bicsol Joint Stock Company (ATT)	Ông Phạm Đỗ Huy Cường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của APH là Tổng Giám đốc của ATT/ Mr. Pham Do Huy Cuong - Member of the Board of Directors and General Director of APH is the General Director of ATT			6 tháng 2025/First 6 months of 2025	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/Sell goods and service	450,000,000
2	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín/An Tin Inter – Transport Joint Stock Company (ATZ)	Ông Phạm Đỗ Huy Cường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của APH là Chủ tịch HĐQT của ATZ/ Mr. Pham Do Huy Cuong - Member of the Board of Directors and General Director of APH is Chairman of the Board of Directors of ATZ			6 tháng 2025/First 6 months of 2025	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/Sell goods and service	375,000,000
3	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1/An Phat High- Tech Industrial Park No.1 Joint Stock Company (APC1)	Ông Phạm Đỗ Huy Cường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của APH là Thành viên HĐQT của APC 1/ Mr. Pham Do Huy Cuong - Member of the Board of Directors and General Director of APH is a			6 tháng 2025/First 6 months of 2025	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/Sell goods and service	1,393,200,000
						Trả lãi tiền vay/Pay interest	10,554,657,534

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với NNB Relationship with internal person	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp Owner's ID No., Date of issue, Place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Nội dung giao dịch Description of transaction;	Giá trị giao dịch Total transaction value (đồng/VND)
		Member of the Board of Directors of APC I - Ông Phạm Văn Tuấn – Phó Tổng Giám đốc của APH là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc APC I/ Mr. Pham Van Tuan - Deputy General Director of APH is Chairman of the Board of Directors and General Director of APC I				Trả tiền vay/Pay loan	59,500,000,000
4	Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát/An Phat High-Tech Industrial Joint Stock Company (APC)	- Ông Phạm Đỗ Huy Cường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của APH là Chủ tịch HĐQT của APC/ Mr. Pham Do Huy Cuong - Member of the Board of Directors and General Director of APH is Chairman of the Board of Directors of APC - Ông Phạm Văn Tuấn – Phó Tổng Giám đốc của APH là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc APC/ Mr. Pham Van Tuan - Deputy General Director of APH is a Member of the Board of Directors and General Director of APC			6 tháng 2025/First 6 months of 2025	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/Sell goods and service	1,290,000,000

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với NNB Relationship with internal person	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp Owner's ID No., Date of issue, Place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Nội dung giao dịch Description of transaction;	Giá trị giao dịch Total transaction value (đồng/VND)
5	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội/Ha Noi Plastics JSC (NHH)	- Ông Phạm Đô Huy Cường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của APH là Chủ tịch HĐQT của NHH/ Mr. Pham Do Huy Cuong - Member of the Board of Directors and General Director of APH is Chairman of the Board of Directors of NHH - Bà Hòa Thị Thu Hà – Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính của APH là Thành viên HĐQT của NHH/ Ms. Hoa Thi Thu Ha - Deputy General Director in charge of finance of APH is a member of the Board of Directors of NHH			6 tháng 2025/First 6 months of 2025	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/Sell goods and service	1,871,000,000
6	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh/An Phat Bioplastics JSC (AAA)	- Ông Nguyễn Lê Trung – Phó Chủ tịch HĐQT của APH là Tổng Giám đốc AAA/ Mr. Nguyen Le Trung - Vice Chairman of the Board of Directors of APH is General Director of AAA - Bà Nguyễn Thị Tiệp – Phó Chủ tịch thường trực kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực APH là Thành viên			6 tháng 2025/First 6 months of 2025	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/Sell goods and service Mua hàng hóa dịch vụ/Buy goods and service	2,086,700,000 312,000,000

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với NNB Relationship with internal person	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp Owner's ID No., Date of issue, Place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Nội dung giao dịch Description of transaction;	Giá trị giao dịch Total transaction value (đồng/VND)
		HĐQT AAA/ Ms. Nguyen Thi Tien - Standing Vice President and Standing Deputy General Director of APH is a member of the AAA Board of Directors - Ông Nguyễn Lê Thăng Long – Chủ tịch HĐQT của APH là Chủ tịch HĐQT của AAA/ Mr. Nguyen Le Thang Long - Chairman of the Board of Directors of APH is Chairman of the Board of Directors of AAA - Bà Hòa Thị Thu Hà – Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính APH là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính của AAA/ Ms. Hoa Thi Thu Ha - Deputy General Director in charge of finance of APH is a member of the Board of Directors and Deputy General Director in charge of finance of AAA - Bà Trần Thị Thoàn – Phó Tổng Giám đốc APH là Phó Tổng Giám đốc thường trực của AAA/ Ms. Tran Thi Thoan - Deputy General Director of APH is the permanent Deputy General Director of AAA				Nhận cổ tức/Receive cash dividend	57,536,218,200

- b. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the Company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO)*: Không có/nil
- c. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of Board Supervisors, Director (General Director) and other managers*: Không có/nil

VIII. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (Báo cáo năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (***) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Lê Thăng Long		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board of Directors					750	0.00%	
1.01	Nguyễn Lê Bình							0	0.00%	
1.02	Nguyễn Thị Việt							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
1.03	Tô Xuân Bách							0	0.00%	
1.04	Nguyễn Thị Hương							0	0.00%	
1.05	Tô Thị Huế							0	0.00%	
1.06	Nguyễn Lê Long An							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
1.07	Nguyễn Lê Bảo San							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percenta ge of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (I.e. not in possession of a ID and other notes)
1.08	Nguyễn Lê Việt Anh							0	0.00%	
1.09	Nguyễn Thị Hải Yến							0	0.00%	
1.10	Công ty cổ phần Anbio/ Anbio Joint Stock Company							0	0.00%	
1.11	Ankor Bioplasit cs Co., Ltd							0	0.00%	
1.12	Công ty cổ phần Sản xuất PBAT An Phát/ PBAT An Phat JSC							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
1.13	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh/ An Phat Bioplasti cs JSC							0	0.00%	
2	Nguyễn Lê Trung		Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman of the Board of Directors					5,562,500	2.28%	
2.01	Nguyễn Văn Minh							0	0.00%	
2.02	Lê Thị Liên							0	0.00%	
2.03	Đặng Quang Hoa							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percenta ge of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
2.04	Nguyễn Thị Biên							0	0.00%	
2.05	Đặng Thị Hòa							0	0.00%	
2.06	Nguyễn Phương Anh							0	0.00%	
2.07	Nguyễn Khánh Linh							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
2.08	Nguyễn Quỳnh Chi							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
2.09	Nguyễn Chung Thùy							0	0.00%	
2.10	Nguyễn Trung Hiếu							0	0.00%	
2.11	Nguyễn Hồng Thảo							0	0.00%	
2.12	Lương Hùng Thắng							0	0.00%	
2.13	Phạm Thị Ánh							0	0.00%	
2.14	Nguyễn Tiến Khánh							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
2.15	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh/ An Phat Bioplasti cs JSC.							0	0.00%	
3	Nguyễn Thị Tien		Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực/Permane nt Deputy Chairman of the Board of Directors, Permanent Deputy General Director					875,000	0.36%	
3.01	Nguyễn Văn Trí							0	0.00%	
3.02	Nguyễn Thị Thuận							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
3.03	Nguyễn Thị Trinh							0	0.00%	
3.04	Nguyễn Văn Vân							0	0.00%	
3.05	Nguyễn Văn Nghĩa							0	0.00%	
3.06	Nguyễn Thị Khuy							0	0.00%	
3.07	Nguyễn Thị Dịu							0	0.00%	
3.08	Nguyễn Văn Gọn							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
3.09	Nguyễn Thị Thiện							0	0.00%	
3.10	Nguyễn Trung Khánh							0	0.00%	
3.11	Nguyễn Văn Viện							0	0.00%	
3.12	Nguyễn Đức Nhật Minh							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
3.13	Nguyễn Đức Hoàng Định							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
3.14	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh/ An Phat Bioplasti cs JSC.							0	0.00%	
4	Phạm Đỗ Huy Cường		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc/ Executive member of BOD cum CEO					1,875,000	0.77%	
4.01	Phạm Văn Nhật							0	0.00%	
4.02	Đỗ Thị Thu							0	0.00%	
4.03	Cao Duy Kiện							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
4.04	Tô Thị Quang							0	0.00%	
4.05	Cao Thu Hương							0	0.00%	
4.06	Phạm Thạch Thảo							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
4.07	Lê Thị Thêu							0	0.00%	
4.08	Phạm Đỗ Huy Thành							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
4.09	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol/ An Thanh Bicsol JSC							0	0.00%	
4.10	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1/ An Phat High- tech Industria l Park No.1 JSC							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
4.11	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát/ An Phat High- tech Industrial Park JSC							0	0.00%	
4.12	Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín/ An Tín Inter- Transport JSC							0	0.00%	
4.13	CTCP Nhựa Hà Nội/Hà Noi Plastics Joint Stock Company							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
5	Đinh Hoài Nam		Thành viên HĐQT độc lập/ Independent BOD Member					0	0.00%	
5.01	Lê Thị Khánh Chi							0	0.00%	
5.02	Đinh Thị Chiến							0	0.00%	
5.03	Lê Đức Tứ							0	0.00%	
5.04	Vũ Khánh Vân							0	0.00%	
5.05	Đinh Hoài Giang							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
5.06	Nguyễn Thị Phương Ninh							0	0.00%	
5.07	Đinh Hoài Chúc An							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
5.08	Đinh Gia Huy							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
5.09	Công ty CP One Capital Hospitali ty							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
5.10	Công ty CP tập đoàn Yeah1							0	0.00%	
5.11	Công ty CP chứng khoán SBS							0	0.00%	
6	Lim Heon Young		Thành viên HĐQT độc lập/Independent Director					0	0.00%	
6.01	Lee HyoJin							0	0.00%	
6.02	Lim YeRin							0	0.00%	
6.03	Lim YeRim							0	0.00%	
6.04	Ankor Bioplasit cs Co., Ltd							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
7	Phạm Thị Hoa		Thành viên Ban kiểm soát/ Member of Board of Supervisors					0	0.00%	
7.01	Bùi Thị Phi							0	0.00%	
7.02	Đỗ Đức Hưng							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
7.03	Trần Thị Liễu							0	0.00%	
7.04	Phạm Đình Công							0	0.00%	
7.05	Phạm Thị Lan							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
7.06	Đỗ Đức Sơn							0	0.00%	
7.07	Đỗ Phạm Đức An							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
8	Nguyễn Thị Thúy Nga		Thành viên Ban kiểm soát/ Member of Board of Supervisors					0	0.00%	
8.01	Nguyễn Văn Bình							0	0.00%	
8.02	Phùng Thị Hằng							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
8.03	Nguyễn Văn Vũ							0	0.00%	
8.04	Nguyễn Thị Lưu							0	0.00%	
8.05	Nguyễn Thị Ngọc Ánh							0	0.00%	
8.06	Nguyễn Văn Long							0	0.00%	
8.07	Nguyễn Thị Kiều Trang							0	0.00%	
8.08	Nguyễn Đức Duy							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
8.09	Nguyễn Công Chức							0	0.00%	
8.10	Nguyễn Tuệ Linh							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
8.11	Nguyễn Thái Sơn							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
9	Hòa Thị Thu Hà		Phó TGD phụ trách tài chính/ Deputy General Director in charge of Finance & Accounting					500,625	0.21%	
9.01	Nghiêm Thị Loan							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
9.02	Phạm Văn Bao							0	0.00%	
9.03	Phạm Việt Hưng							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
9.04	Phạm Minh Hiền							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
9.05	Hòa Thị Hằng							0	0.00%	
9.06	Hòa Thị Hiền							0	0.00%	
9.07	Phan Tiến Luật							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
9.08	Vũ Trí Tiền							0	0.00%	
9.09	Nguyễn Thị Chùm							0	0.00%	
9.10	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội/Hà Noi Plastics JSC							0	0.00%	
9.11	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh/ An Phat Bioplasti cs JSC							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
9.12	Công ty Cổ phần KCN Lương Điền Ngọc Liên/ Luong Dien Ngoc Lien Industrial Park Joint Stock Company							0	0.00%	
10	Hồ Thị Hòa		Kế toán trưởng/chief accountant					0	0.00%	
10.01	Hồ Thị Tý							0	0.00%	
10.02	Hồ Thị Huệ							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
10.03	Nguyễn Bá Tuấn							0	0.00%	
10.04	Hồ Thị Hoan							0	0.00%	
10.05	Nguyễn Xuân Ba							0	0.00%	
10.06	Đoàn Trọng Thành							0	0.00%	
10.07	Đoàn Phương Lan							0	0.00%	
10.08	Đoàn Phương Anh							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
10.09	Đoàn Trung Dũng							0	0.00%	
10.10	Vũ Thị Thu Hồng							0	0.00%	
11	Phạm Văn Tuấn		Phó Tổng giám đốc/Deputy General Director					0	0.00%	
11.01	Phạm Văn Sáng							0	0.00%	
11.02	Bùi Thị Tứ							0	0.00%	
11.03	Đoàn Duy Thành							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
11.04	Phạm Thị Ngoan							0	0.00%	
11.05	Đoàn Thị Huệ							0	0.00%	
11.06	Phạm Minh Nguyệt							0	0.00%	
11.07	Phạm Minh Trí							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
11.08	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát/ An Phat High- tech Industrial Park JSC							0	0.00%	
11.09	Công ty Cổ phần KCN Lương Điền Ngọc Liên/ Luong Dien Ngoc Lien Industrial Park Joint Stock Company							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
11.10	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1/ An Phat High- tech Industrial Park No.1 JSC							0	0.00%	
12	Trần Thị Thoàn		Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất/Deputy General Director in charge of production					500,000	0.21%	
12.01	Trần Phúc Minh							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
12.02	Phạm Thị Thoa							0	0.00%	
12.03	Vũ Thị Lan							0	0.00%	
12.04	Nguyễn Văn Đương							0	0.00%	
12.05	Trần Thị Thoan							0	0.00%	
12.06	Trần Phúc Thuận							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
12.07	Nguyễn Thị Tươi							0	0.00%	
12.08	Nguyễn Phúc Dương							0	0.00%	
12.09	Nguyễn Lâm Phương Linh							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
12.10	Nguyễn Bảo Châu							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card
12.11	Nguyễn Nhật Nam							0	0.00%	Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
12.12	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh/ An Phat Bioplastics JSC							0	0.00%	
13	Phạm Thị Nguyễn		Trưởng Ban kiểm soát kiêm Người phụ trách quản trị Công ty và Người ủy quyền CBTT/ Head of Board of Supervisors; person in charge of corporate governance and person authorized to disclose information					0	0.00%	
13.01	Phạm Văn Thuận							0	0.00%	

Stt No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Số Giấy NSH (*) Owner's ID No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Notes (i.e. not in possession of a ID and other notes)
13.02	Trần Thị Bích							0	0.00%	
13.03	Phạm Văn Hải							0	0.00%	
13.04	Đỗ Thị Tuyết							0	0.00%	

2. **Giao dịch của người nội bộ và người liên quan đối với cổ phiếu của Công ty/Transactions of internal persons and affiliated persons with share of the Company:**

Không có/*none*.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Không có/*none*.

**TỔNG GIÁM ĐỐC/
GENERAL DIRECTOR** 

**PHẠM ĐO HUY CƯỜNG
PHẠM DO HUY CUONG**